

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40 /GM-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 6 năm 2019

SỞ LAO ĐỘNG TB & XH QUẢNG NGÃI

ĐẾN Số:
Ngày: 24/6/2019

GIẤY MỜI

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

Ban Dân tộc HĐND tỉnh tổ chức họp để thông qua dự thảo Báo cáo kết quả giám sát thực hiện Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021; Báo cáo kết quả giám sát thực hiện Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 của HĐND tỉnh về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra lĩnh vực chính sách dân tộc và miền núi trong báo cáo của UBND tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2019; thông qua dự thảo Quyết định, Kế hoạch và Đề cương giám sát việc thực hiện Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 và Báo cáo Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh.

1. Thành phần:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại diện UBMTTQVN tỉnh;
- Trưởng, Phó Trưởng Ban các Ban HĐND tỉnh;
- Thành viên Ban Dân tộc của HĐND tỉnh;
- Đại diện lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành: Lao động Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp, Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh;
- Đại diện Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Trưởng, Phó phòng và chuyên viên các Phòng thuộc Văn phòng HĐND tỉnh.

2. Thời gian, nội dung, thành phần cụ thể như sau:

Thời gian	Nội dung	Thành phần dự họp
Sáng ngày 26/6/2019 <i>Từ 7h30- 11h30</i>	Thông qua 3 dự thảo Báo cáo: - Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh; - Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 của HĐND tỉnh về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020; - Thẩm tra lĩnh vực chính sách dân tộc và miền núi trong báo cáo của UBND tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2019.	- Thường trực HĐND tỉnh; - Đại diện UBMTTQVN tỉnh; - Trưởng, Phó Trưởng Ban các Ban HĐND tỉnh; - Thành viên Ban Dân tộc của HĐND tỉnh; - Đại diện lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành: Tài chính, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh; - Đại diện Văn phòng UBND tỉnh; - Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh; - Trưởng, Phó phòng và chuyên viên các Phòng thuộc VP HĐND tỉnh.
Chiều ngày 26/6/2019 <i>Từ 14h – 17 h</i>	- Thông qua dự thảo Quyết định, Kế hoạch và Đề cương giám sát việc thực hiện Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; - Báo cáo Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh.	- Thường trực HĐND tỉnh; - Đại diện UBMTTQVN tỉnh; - Trưởng, Phó Trưởng Ban các Ban HĐND tỉnh; - Thành viên Ban Dân tộc của HĐND tỉnh; - Đại diện lãnh đạo Ban Dân tộc tỉnh; - Trưởng, Phó phòng và chuyên viên các Phòng thuộc VP HĐND tỉnh.

3. Địa điểm: Phòng họp số 4 UBND tỉnh.

(52 Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi).

Đề nghị các đồng chí sắp xếp thời gian tham dự đầy đủ để cuộc họp đạt kết quả./.

Nơi nhận:

- Như thành phần;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- VP: C-PVP, phòng HC-TC-QT;
- Lưu: VT.

**TM. BAN DÂN TỘC
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Đỗ Văn Cường

Số: /BC-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2019

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND
ngày 30/3/2017 của HĐND tỉnh về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng
đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi
tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020**

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh về Chương trình giám sát năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XII, Ban Dân tộc HĐND tỉnh đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-HĐND ngày 16/01/2019 về việc thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 của HĐND tỉnh về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020 (*dưới đây viết tắt là Nghị quyết số 01*).

Đoàn giám sát xây dựng kế hoạch, đề cương phục vụ giám sát và yêu cầu các đối tượng giám sát¹ báo cáo và chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nội dung giám sát. Đoàn giám sát nhận được báo cáo và các hồ sơ liên quan của 31/33 cơ quan, đơn vị². Sau khi nghiên cứu tài liệu và các báo cáo phục vụ giám sát, Đoàn giám sát đã xếp lịch làm việc, nghe báo cáo giải trình, bổ sung của Ban Dân tộc tỉnh, UBND 06 huyện miền núi và UBND 20 xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh. Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Nghị quyết số 01

1. Đối với UBND tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan

- Sau khi Nghị quyết số 01 có hiệu lực thi hành, ngày 02/6/2017³, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND Quy định về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020 (*dưới đây viết tắt là Quyết định số 37*).

- Năm 2018, UBND tỉnh đã phân bổ kinh phí cho UBND các huyện để thực hiện chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình thoát

¹ Ban Dân tộc tỉnh; UBND các huyện miền núi và huyện có xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; UBND một số xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

² UBND các huyện: Đức Phổ, Sơn Tịnh không gửi báo cáo.

³ Sau 02 tháng kể từ ngày Nghị quyết số 01 có hiệu lực thi hành.

nghèo, thoát cận nghèo 02 năm liên tục trong 02 năm 2016 – 2017 và huyện thoát nghèo năm 2018⁴.

- Ban Dân tộc tỉnh ban hành Công văn số 380/BDT-KHTH ngày 28/6/2017 về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020. Trong đó, đã đề nghị UBND các huyện chỉ đạo UBND các xã và các cơ quan chuyên môn của huyện tổ chức tuyên truyền nội dung chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020.

- Để thực hiện chính sách hỗ trợ, biểu dương khen thưởng theo Nghị quyết số 01 trong năm 2018 và năm 2019, Ban Dân tộc tỉnh đã ban hành các văn bản⁵ yêu cầu các huyện rà soát số đối tượng thụ hưởng chính sách, gửi về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, đề nghị Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cấp kinh phí. Ngoài ra, Ban Dân tộc tỉnh còn có các văn bản⁶ đôn đốc việc thực hiện và báo cáo kết quả theo quy định.

2. Đối với UBND các huyện, xã

- Trên cơ sở Nghị quyết số 01, UBND các huyện chỉ đạo, triển khai thực hiện trong các hội nghị của huyện và tuyên truyền trên Đài Truyền thanh – PLTH huyện; UBND các xã triển khai nội dung Nghị quyết số 01 trong các Hội nghị của xã và sinh hoạt của Ủy ban MTTQ Việt Nam, các đoàn thể xã, thôn.

- Quý II năm 2018, sau khi có văn bản hướng dẫn của Ban Dân tộc tỉnh, các huyện có văn bản chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với UBND các xã thực hiện rà soát, lập danh sách các đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách trên địa bàn, hướng dẫn viết, ký đơn cam kết tiếp tục tổ chức các hoạt động sản xuất, kinh doanh, không tái nghèo, tái cận nghèo trong các năm tiếp theo; lập hồ sơ, thủ tục tham mưu UBND huyện trình UBND tỉnh phê duyệt và cấp kinh phí hỗ trợ theo quy định.

- Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt và cấp kinh phí, UBND các huyện đã phân khai kinh phí và chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thực hiện hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo và hộ gia đình thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 - 2017. Trong đó, một số huyện và xã có tổ chức Hội nghị biểu dương, khen thưởng, có tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện, xã và trao tiền hỗ trợ theo quy định cho các đối tượng.

- Trong năm 2019, tại thời điểm giám sát, UBND các huyện đang chỉ đạo các phòng chuyên môn tổ chức rà soát, lập danh sách, hồ sơ thủ tục để thực hiện

⁴ Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 06/7/2018, Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 17/12/2018.

⁵ Công văn số 112/BDT-CSDT ngày 05/3/2018, Công văn số 69/BDT-CSDT ngày 20/02/2019.

⁶ Công văn số 424/BDT-CSDT ngày 12/7/2018, Công văn số 802/BDT-CSDT ngày 06/12/2018.

hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng các đối tượng theo Nghị quyết số 01 trong 02 năm liên tục 2017 – 2018.

II. Kết quả thực hiện

1. Hỗ trợ đối với hộ gia đình đã đạt được tiêu chí trong 02 năm 2016 - 2017

Thực hiện Quyết định số 585/QĐ-UBND⁷ ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình thoát nghèo, thoát cận nghèo, huyện thoát nghèo năm 2018, đến tháng 11/2018, các huyện đã cơ bản hoàn thành việc chi hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng cho các hộ gia đình đã đạt được các tiêu chí trong 02 năm liên tục 2016 – 2017 theo Nghị quyết số 01, cụ thể như sau:

1.1. Hỗ trợ đối với hộ gia đình thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 – 2017

- Tổng số hộ được hỗ trợ một lần bằng tiền mặt (10 triệu đồng/hộ) là 1.535 hộ, chiếm tỷ lệ 5,49% so với tổng số hộ nghèo vùng DTTS và miền núi tại thời điểm cuối năm 2015, với tổng kinh phí hỗ trợ là 15.350 triệu đồng, trong đó: huyện Ba Tơ có 133 hộ, chiếm tỷ lệ 1,98%; huyện Minh Long có 202 hộ, chiếm tỷ lệ 8,79%; huyện Sơn Hà có 862 hộ, chiếm tỷ lệ 10,69%; huyện Sơn Tây có 164 hộ, chiếm tỷ lệ 5,26%; huyện Trà Bồng có 31 hộ, chiếm tỷ lệ 0,75%; huyện Tây Trà có 38 hộ, chiếm tỷ lệ 1,06%; huyện Sơn Tịnh có 46 hộ, chiếm tỷ lệ 10,02%; huyện Bình Sơn có 06 hộ, chiếm tỷ lệ 4,37%; huyện Đức Phổ có 15 hộ, chiếm tỷ lệ 3,14%; huyện Nghĩa Hành có 21 hộ, chiếm tỷ lệ 1,64%; huyện Mộ Đức có 02 hộ, chiếm tỷ lệ 0,9%; huyện Tư Nghĩa có 15 hộ, chiếm tỷ lệ 11,03%⁸.

- Số trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hộ nghèo đã được công nhận thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục 2016 - 2017 đã được hỗ trợ chi phí học tập là 2.639 lượt học sinh, với tổng kinh phí là 1.198,1 triệu đồng⁹, chiếm tỷ lệ 100% so với tổng số trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông thuộc đối tượng được hưởng chính sách này, cụ thể: huyện Ba Tơ có 132 lượt học sinh, kinh phí 59,4 triệu đồng; huyện Minh Long có 210 lượt học sinh, kinh phí 105 triệu đồng; huyện Sơn Hà có 1.562 lượt học sinh, kinh phí 702,9 triệu đồng; huyện Sơn Tây có 430 lượt học sinh, kinh phí 193,5 triệu đồng; huyện Trà Bồng có 65 lượt học sinh, kinh phí 29,3 triệu đồng; huyện Tây Trà có 96 lượt học sinh, kinh phí 43,2 triệu đồng; huyện Sơn Tịnh có 50 lượt học sinh, kinh phí 22,5 triệu đồng; huyện Bình Sơn có 08 lượt học sinh,

⁷ Tại Quyết định này, UBND tỉnh đã phân bổ kinh phí hỗ trợ một lần bằng tiền mặt cho 1.584 hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 - 2017, với số tiền 15.840 triệu đồng; hỗ trợ chi phí học tập cho 2.786 lượt học sinh, với số tiền 1.254 triệu đồng và hỗ trợ 1 lần bằng tiền mặt cho 2.178 hộ gia đình thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục 2016 – 2017, với tổng số tiền 10.890 triệu đồng.

⁸ Tỷ lệ % của từng huyện được tính so với số hộ nghèo vùng DTTS và miền núi của huyện đó trong năm 2015.

⁹ Định mức hỗ trợ là 100.000 đồng/tháng/học sinh, hỗ trợ không quá 09 tháng/năm học/học sinh.

kinh phí 3,6 triệu đồng; huyện Đức Phổ có 18 lượt học sinh, kinh phí 8,1 triệu đồng; huyện Nghĩa Hành có 36 lượt học sinh, kinh phí 16,2 triệu đồng; huyện Mộ Đức có 06 lượt học sinh, kinh phí 2,7 triệu đồng; huyện Tư Nghĩa có 26 lượt học sinh, kinh phí 11,7 triệu đồng.

1.2. Hỗ trợ đối với hộ gia đình thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 - 2017

Tổng số hộ được hỗ trợ một lần bằng tiền mặt (5 triệu đồng/hộ) là 2.121 hộ, chiếm tỷ lệ 27,54% so với tổng số hộ cận nghèo vùng DTTS và miền núi tại thời điểm cuối năm 2015, với tổng kinh phí là 10.605 triệu đồng. Trong đó: huyện Ba Tơ có 206 hộ, chiếm tỷ lệ 10,94%; huyện Minh Long có 91 hộ, chiếm tỷ lệ 21,02%; huyện Sơn Hà có 798 hộ, chiếm tỷ lệ 28,81%; huyện Sơn Tây 67 hộ, chiếm tỷ lệ 10,14%; huyện Trà Bồng 141 hộ, chiếm tỷ lệ 7,78%; huyện Tây Trà có 45 hộ, chiếm tỷ lệ 11,57%; huyện Sơn Tịnh có 97 hộ, chiếm tỷ lệ 20,73%; huyện Bình Sơn có 28 hộ, chiếm tỷ lệ 22,22%; huyện Đức Phổ có 08 hộ, chiếm tỷ lệ 7,14%; huyện Nghĩa Hành có 525 hộ, chiếm tỷ lệ 45,14%; huyện Mộ Đức có 39 hộ, chiếm tỷ lệ 15,54%; huyện Tư Nghĩa có 76 hộ, chiếm tỷ lệ 42,46%¹⁰.

2. Hỗ trợ đối với hộ gia đình đã đạt được tiêu chí trong 02 năm 2017 – 2018

Tại thời điểm giám sát, Ban Dân tộc tỉnh đang phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ đối với hộ gia đình đạt được tiêu chí trong 02 năm liên tục 2017 – 2018. Theo số liệu tổng hợp có số đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 01 của HĐND tỉnh như sau:

2.1. Hỗ trợ đối với hộ gia đình thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2017 – 2018

- Tổng số hộ được công nhận thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục 2017 - 2018 đủ điều kiện thụ hưởng chính sách là 1.829 hộ, chiếm tỷ lệ 7,20% so với tổng số hộ nghèo vùng DTTS và miền núi tại thời điểm cuối năm 2016, với tổng kinh phí là 18.290 triệu đồng, cụ thể: huyện Ba Tơ có 295 hộ, chiếm tỷ lệ 4,88%; huyện Minh Long có 378 hộ, chiếm tỷ lệ 18,56%; huyện Sơn Hà có 609 hộ, chiếm tỷ lệ 8,4%; huyện Sơn Tây có 232 hộ, chiếm tỷ lệ 7,98%; huyện Tây Trà có 93 hộ, chiếm tỷ lệ 2,72%; huyện Trà Bồng có 42 hộ, chiếm tỷ lệ 1,12%; huyện Bình Sơn có 02 hộ, chiếm tỷ lệ 0,7%; huyện Sơn Tịnh có 26 hộ, chiếm tỷ lệ 6,3%; huyện Tư Nghĩa có 15 hộ, chiếm tỷ lệ

¹⁰ Tỷ lệ % của từng huyện được tính so với số hộ cận nghèo vùng DTTS và miền núi của huyện đó trong năm 2015.

13,64%; huyện Nghĩa Hành có 117 hộ, chiếm tỷ lệ 12,93%; huyện Mộ Đức có 14 hộ, chiếm tỷ lệ 8,09%; huyện Đức Phổ có 06 hộ, chiếm tỷ lệ 1,46%¹¹.

- Số trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hộ nghèo đã được công nhận thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục 2017 – 2018 được hỗ trợ chi phí học tập là 3.344 lượt học sinh, chiếm tỷ lệ 100% so với tổng số trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông thuộc đối tượng được hưởng chính sách này, với tổng kinh phí là 1.504,8 triệu đồng, cụ thể: huyện Ba Tơ có 530 lượt học sinh, kinh phí 238,5 triệu đồng; huyện Minh Long có 746 lượt học sinh, kinh phí 335,7 triệu đồng; huyện Sơn Hà có 944 lượt học sinh, kinh phí 424,8 triệu đồng; huyện Sơn Tây có 606 lượt học sinh, kinh phí 272,7 triệu đồng; huyện Tây Trà có 300 lượt học sinh, kinh phí 135 triệu đồng; huyện Trà Bồng có 108 lượt học sinh, kinh phí 48,6 triệu đồng; huyện Sơn Tịnh có 20 lượt học sinh, kinh phí 09 triệu đồng; huyện Tư Nghĩa có 14 lượt học sinh, kinh phí 6,3 triệu đồng; huyện Nghĩa Hành có 68 lượt học sinh, kinh phí 30,6 triệu đồng; huyện Mộ Đức có 08 học sinh, kinh phí 3,6 triệu đồng.

- Tiếp tục thực hiện hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh trung học phổ thông là con của hộ nghèo đã được công nhận thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục 2017 – 2018 (*hưởng chính sách năm thứ 02*) với 2.214 lượt học sinh và tổng kinh phí thực hiện là 996,3 triệu đồng.

2.2. Hỗ trợ đối với hộ gia đình thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2017 - 2018

Tổng số hộ cận nghèo được công nhận thoát cận nghèo liên tục trong 02 năm 2017 – 2018, đủ điều kiện hưởng chính sách là 2.296 hộ, chiếm tỷ lệ 27,30% so với tổng số hộ cận nghèo vùng DTTS và miền núi tại thời điểm cuối năm 2016, với tổng số kinh phí dự kiến là 11.480 triệu đồng, cụ thể: huyện Ba Tơ có 523 hộ, chiếm tỷ lệ 22,68%; huyện Minh Long có 145 hộ, chiếm tỷ lệ 36,34%; huyện Sơn Hà có 594 hộ, chiếm tỷ lệ 23,99%; huyện Sơn Tây có 119 hộ, chiếm tỷ lệ 26,1%; huyện Tây Trà có 77 hộ, chiếm tỷ lệ 14,18%; huyện Trà Bồng có 219 hộ, chiếm tỷ lệ 9,82%; huyện Bình Sơn có 31 hộ, chiếm tỷ lệ 17,42%; huyện Sơn Tịnh có 164 hộ, chiếm tỷ lệ 41,62%; huyện Tư Nghĩa có 117 hộ, chiếm tỷ lệ 51,09%; huyện Nghĩa Hành có 242 hộ, chiếm tỷ lệ 24,35%; huyện Mộ Đức có 63 hộ, chiếm tỷ lệ 31,66%; huyện Đức Phổ có 02 hộ, chiếm tỷ lệ 0,97%¹².

3. Việc tổ chức biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo và hộ gia đình thoát cận nghèo

¹¹ Tỷ lệ % của từng huyện được tính so với số hộ nghèo vùng DTTS và miền núi của huyện đó trong năm 2016.

¹² Tỷ lệ % của từng huyện được tính so với số hộ cận nghèo vùng DTTS và miền núi của huyện đó trong năm 2016.

- Số hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 – 2017 đã được Chủ tịch UBND xã, thị trấn tặng Giấy khen là 615 hộ, chiếm tỷ lệ 40,06% so với tổng số hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo được hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng; số hộ đã được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen là 68 hộ, chiếm tỷ lệ 4,42% so với tổng số hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo được hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng.

- Số hộ thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 – 2017 đã được Chủ tịch UBND xã, thị trấn tặng Giấy khen là 1.130 hộ, chiếm tỷ lệ 53,27 % so với tổng số hộ thoát cận nghèo được hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng; số hộ đã được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen là 59 hộ, chiếm tỷ lệ 2,78% so với tổng số hộ thoát cận nghèo được hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng.

Qua giám sát tại 06 huyện miền núi và 20 xã thuộc vùng DTTS và miền núi của tỉnh, có 02 huyện (*Sơn Hà, Sơn Tây*) và 05 xã (*Sơn Tinh, Sơn Tân, Sơn Mùa, Sơn Thủy, thị trấn Trà Xuân*) có tổ chức Hội nghị tổng kết công tác giảm nghèo và biểu dương đối với hộ gia đình thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo và hộ gia đình thoát cận nghèo; còn lại 04 huyện miền núi và 15 xã không tổ chức Hội nghị. Có 04 huyện (*Sơn Tây, Sơn Hà¹³, Tây Trà, Ba Tơ*) và 13 xã (*Sơn Tinh, Sơn Tân, Sơn Mùa, Sơn Thủy, Trà Xuân, Trà Thanh, Trà Quân, Trà Lĩnh, Thanh An, Ba Ngạc, Ba Bích, Sơn Hải¹⁴, Sơn Trung¹⁵*) thực hiện tặng giấy khen, còn 02 huyện miền núi và 07 xã còn lại không thực hiện việc tặng giấy khen cho các đối tượng. Đối với 04 huyện và 13 xã tặng giấy khen, thì chỉ có UBND 02 huyện: Sơn Hà, Sơn Tây và UBND 02 xã: Sơn Hải, thị trấn Trà Xuân có chi tiền thưởng kèm theo giấy khen¹⁶ cho các đối tượng.

4. Việc khen thưởng đối với thôn, tổ dân phố, xã đặc biệt khó khăn đã được công nhận thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn

Trong các năm 2016, 2017 và 2018, qua rà soát, trên địa bàn tỉnh không có thôn, tổ dân phố, xã đặc biệt khó khăn được công nhận thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn nên chưa được khen thưởng theo Nghị quyết số 01.

5. Việc khen thưởng đối với huyện thoát nghèo

Ngày 07/3/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 275/QĐ-TTg công nhận huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi thoát nghèo giai đoạn 2018 – 2020 và tặng Bằng khen cho Nhân dân và cán bộ huyện Sơn Hà vì đã có thành tích xuất sắc trong tổ chức và triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (*tại Quyết định số 1348/QĐ-TTg ngày 11/10/2018*).

¹³ Huyện Sơn Hà tặng giấy khen cho 40/862 (*chiếm tỷ lệ 4,64%*) hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo và tặng giấy khen cho 34/798 (*chiếm tỷ lệ 4,26%*) hộ thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 – 2017.

¹⁴ Xã Sơn Hải tặng giấy khen cho 02/17 (*chiếm tỷ lệ 11,76%*) hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo và tặng giấy khen cho 3/31 (*chiếm tỷ lệ 9,68%*) hộ thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 – 2017.

¹⁵ Xã Sơn Trung tặng giấy khen cho 03/16 (*chiếm tỷ lệ 18,75%*) hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo và tặng giấy khen cho 5/33 (*chiếm tỷ lệ 15,15%*) hộ thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 – 2017.

¹⁶ Xã Sơn Hải tặng 300.000 đồng/giấy khen; thị trấn Trà Xuân tặng 200.000 đồng/giấy khen.

UBND tỉnh đã phân khai kinh phí¹⁷ khen thưởng một lần với mức 10 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống cho cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện Sơn Hà theo Nghị quyết số 01, UBND huyện Sơn Hà đưa vào đầu tư xây dựng Công viên văn hóa tại xã Sơn Kỳ và xã Sơn Linh để phục vụ nhu cầu vui chơi, sinh hoạt của người dân tại địa phương.

III. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Tồn tại, hạn chế

a) UBND tỉnh ban hành Quyết định số 37 đã quy định lại các quy phạm pháp luật tại Nghị quyết số 01 là không cần thiết và trái với quy định tại Điều 28 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; đồng thời gây chậm trễ trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, không theo dõi, kiểm tra nên chưa kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện Nghị quyết và chưa có biện pháp chỉ đạo để khắc phục. Việc bố trí kinh phí để thực hiện hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng cho các đối tượng theo Nghị quyết số 01 chưa kịp thời¹⁸.

b) Ban Dân tộc tỉnh chưa thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng trách nhiệm trong việc tham mưu cho UBND tỉnh trong quá trình chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, chưa kịp thời theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các huyện trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết; công tác phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc thẩm định danh sách các đối tượng hưởng chính sách và tham mưu để UBND tỉnh phê duyệt và bố trí kinh phí cho các địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng theo Nghị quyết số 01 chưa kịp thời.

c) UBND các huyện chưa kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết, sau khi Nghị quyết số 01 và Quyết định số 37 có hiệu lực thi hành và trong năm 2017 hầu như không có ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện. Công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và nội dung Nghị quyết số 01 còn nhiều hạn chế, việc thực hiện Nghị quyết số 01 ở nhiều địa phương chưa gắn kết chặt chẽ với các cơ chế, chính sách, giải pháp giảm nghèo bền vững, chưa tạo được động lực cho phần lớn hộ nghèo, hộ cận nghèo hưởng ứng, thi đua thoát nghèo để được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 01. Hầu hết các huyện và xã chưa quan tâm chỉ đạo việc rà soát, lập danh sách các đối tượng hưởng chính sách theo Nghị quyết 01 để lập hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách *(thực hiện sau khi có Công văn số 112/BDT-CSĐT ngày 05/3/2018 và Công văn số 69/BDT-CSĐT ngày 20/02/2019 của Ban Dân tộc tỉnh)*.

d) Chưa kịp thời thực hiện hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng theo Nghị quyết số 01. Đến quý IV năm 2018, mới cơ bản hoàn thành việc hỗ trợ cho các

¹⁷ Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh.

¹⁸ Đến thời điểm giám sát, tháng 5/2019, UBND tỉnh chỉ mới phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện biểu dương, khen thưởng đối với hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo và hộ thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 – 2017, còn giai đoạn 2017 – 2018 chưa phân bổ kinh phí.

đối tượng đạt tiêu chí 02 năm 2016 – 2017, còn đối tượng đạt tiêu chí 02 năm 2017 – 2018 đến nay vẫn chưa được hưởng chính sách.

đ) Hiệu quả tác động của Nghị quyết số 01 đối với hộ nghèo tại một số huyện vẫn còn thấp, số hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo 02 năm liên tục chiếm tỷ lệ còn thấp so với tỷ lệ giảm nghèo hằng năm (*bình quân các huyện miền núi trên 5%/năm*) và so với tổng số hộ nghèo của 02 năm trước đó, như: huyện Trà Bồng 02 năm 2016 – 2017 là 0,75% và 02 năm 2017 – 2018 là 1,12%; huyện Tây Trà 02 năm 2016 – 2017 là 1,06% và 02 năm 2017 – 2018 là 2,72%; huyện Ba Tơ 02 năm 2016 – 2017 là 1,98% so với tổng số hộ nghèo của 02 năm trước đó.

e) Một bộ phận hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa tích cực hưởng ứng thực hiện các chủ trương, cơ chính sách hỗ trợ giảm nghèo, thiếu chủ động, tích cực trong sản xuất, còn thỏa mãn với cuộc sống hiện tại, không muốn thoát nghèo, thoát cận nghèo để tiếp tục được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Nhiều trường hợp đủ điều kiện hưởng chính sách theo Nghị quyết số 01 nhưng không làm đơn cam kết không tái nghèo, tái cận nghèo, như: huyện Sơn Tây, có 338 hộ không ký cam kết (*trong đó: có 254 hộ đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ đối với hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo và 84 hộ đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ đối với hộ thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 – 2017*) và tại xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng có 02 hộ không ký cam kết mặc dù đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ đối với hộ thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 – 2017.

g) Việc rà soát danh sách đối tượng thụ hưởng và xây dựng dự toán kinh phí thực hiện còn xảy ra sai sót, phải điều chỉnh, bổ sung, cụ thể như sau:

- Chênh lệch giữa Quyết định cấp kinh phí của UBND tỉnh và kết quả thực hiện việc hỗ trợ hộ gia đình thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 – 2017 là 49 hộ, với tổng kinh phí 490 triệu đồng và chênh lệch phần hỗ trợ chi phí học tập là 147 lượt học sinh, với tổng kinh phí 55,9 triệu đồng; còn đối với việc hỗ trợ hộ gia đình thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 – 2017 chênh lệch 57 hộ, với tổng kinh phí 285 triệu đồng. Đặc biệt, đối với huyện Trà Bồng, UBND tỉnh thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho 136 hộ (*kinh phí 680 triệu đồng*), nhưng khi thực hiện lại hỗ trợ cho 141 hộ (*kinh phí 705 triệu đồng*), còn lại các huyện khác kết quả thực hiện thấp hơn hoặc bằng số tỉnh cấp kinh phí.

- Huyện Ba Tơ, Nghĩa Hành rà soát, bổ sung đối tượng là hộ nghèo thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo 02 năm liên tục đủ điều kiện thụ hưởng chính sách giai đoạn 2016 - 2017¹⁹ là 68 hộ, với tổng số kinh phí dự kiến là 680 triệu đồng. Số trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông dự kiến được hỗ trợ chi phí học tập là 124 học sinh, với tổng kinh phí dự kiến là 111,6 triệu đồng. Huyện Ba

¹⁹ Chưa rà soát kịp thời nên chưa được phân bổ kinh phí hỗ trợ tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh.

Tơ, Tây Trà rà soát, bổ sung đối tượng là hộ cận nghèo thoát cận nghèo 02 năm liên tục giai đoạn 2016 - 2017²⁰ là 46 hộ, với tổng số kinh phí dự kiến là 230 triệu đồng. Các trường hợp này, Ban Dân tộc đang phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bổ sung kinh phí để thực hiện chi trả trong năm 2019.

h) UBND huyện và xã chưa có sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí được hỗ trợ của các hộ hưởng chính sách, để phát huy được hiệu quả, giúp các hộ ổn định trong sản xuất, kinh doanh.

i) UBND nhiều xã không tổ chức Hội nghị biểu dương khen thưởng (15/20 xã giám sát), không tổ chức tặng giấy khen cho các đối tượng hưởng chính sách theo Nghị quyết số 01, cũng như chưa tặng tiền kèm giấy khen theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng (07/20 xã giám sát không tặng giấy khen).

k) Đối với huyện Sơn Hà, việc lập danh sách và thực hiện hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông (con của hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2016 – 2017) còn bỏ sót danh sách học sinh các trường trung học phổ thông.

2. Nguyên nhân

a) Thiếu sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự phối hợp giữa UBND với Mặt trận, các Hội đoàn thể cấp huyện, xã trong công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, giúp đỡ người dân còn hạn chế, chưa tạo được khí thế thi đua sôi nổi, liên tục, hiệu quả cao trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân để vươn lên thoát nghèo, thoát cận nghèo. Nhận thức về mục đích, ý nghĩa, nội dung chính sách theo Nghị quyết số 01 và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của một số cán bộ, công chức địa phương còn hạn chế, không kịp thời tham mưu, đề xuất UBND huyện, xã chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.

b) Công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát, sơ kết đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách chưa được thực hiện kịp thời, dẫn đến việc chỉ đạo, thực hiện còn chậm trễ, kết quả đạt được còn thấp.

c) Công tác rà soát lập danh sách, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách của các xã và huyện hằng năm thiếu chủ động, không kịp thời. Một số xã lập danh sách chưa đảm bảo, chưa đúng đối tượng dẫn đến sai sót trong công tác lập dự toán kinh phí, phải điều chỉnh, bổ sung.

d) Ngân sách của các xã vùng DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh còn hạn chế nên không đảm bảo kinh phí để tổ chức Hội nghị biểu dương, khen thưởng và tặng giấy khen có kèm theo tiền thưởng cho các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 01.

²⁰ Chưa rà soát kịp thời nên chưa được phân bổ kinh phí hỗ trợ tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh,.

đ) Một bộ phận người nghèo chưa nhận thức đúng và đầy đủ về công tác giảm nghèo bền vững và mục đích, ý nghĩa, nội dung Nghị quyết số 01, nên còn ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa phát huy được tính chủ động vươn lên thoát nghèo.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với UBND tỉnh

a) Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ được giao tại Điều 3 Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND tỉnh.

b) Chỉ đạo chấn chỉnh và rút kinh nghiệm trong việc thực hiện Nghị quyết số 01 như đánh giá tại Mục II và Mục III Báo cáo này, đồng thời có các biện pháp chỉ đạo nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 01 trong những năm tới.

c) Kịp thời điều chỉnh, bổ sung kinh phí thực hiện Nghị quyết số 01 cho các huyện để đảm bảo thực hiện đúng, đủ việc hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng cho các đối tượng hưởng chính sách năm 2016 – 2017 và bố trí kinh phí thực hiện chính sách năm 2017 – 2018.

d) Chỉ đạo các sở, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất về kinh phí hỗ trợ các xã để tổ chức Hội nghị biểu dương, khen thưởng, tặng giấy khen và tiền thưởng kèm theo giấy khen theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng, tạo điều kiện để cấp xã vùng DTTS và miền núi thực hiện tốt Nghị quyết số 01.

đ) Hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh.

2. Đối với UBND huyện

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ được giao tại Khoản 8, Điều 3 Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND tỉnh. Kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 01 trong thời gian qua, có biện pháp chỉ đạo nâng cao hiệu quả thực hiện trong những năm đến.

b) Chỉ đạo các phòng chuyên môn và UBND xã chủ động, tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, kịp thời tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo thực hiện lồng ghép và nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn, gắn kết chặt chẽ với triển khai Nghị quyết số 01; chú trọng xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả gắn với động viên, phát huy tinh thần tự chủ của hộ nghèo, hộ cận nghèo trong việc hưởng ứng thực hiện các cơ chế chính sách giảm nghèo và Nghị quyết số 01.

c) Chỉ đạo UBND các xã tăng cường phối hợp với Mặt trận, các Hội đoàn thể trong công tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về chủ trương,

chính sách của Đảng, nhà nước về giảm nghèo bền vững, về mục đích, ý nghĩa và nội dung Nghị quyết số 01; thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, có biện pháp giúp đỡ thiết thực và động viên hộ nghèo, hộ cận nghèo hưởng ứng thi đua, tạo ra khí thế thi đua sôi nổi, liên tục trong từng xã, thôn, trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, vươn lên thoát nghèo, thoát cận nghèo.

d) Hằng năm chỉ đạo các phòng chuyên môn và UBND các xã kịp thời rà soát hộ thoát nghèo, cận nghèo, xác định đúng, đủ số hộ thuộc đối tượng hưởng chính sách theo Nghị quyết số 01 để lập hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định.

Riêng đối với số hộ trong năm 2016 – 2017 và năm 2017 – 2018 đủ điều kiện hưởng chính sách theo Nghị quyết số 01 nhưng chưa được hưởng chính sách thì khẩn trương thực hiện hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đảm bảo đúng, đủ theo quy định.

đ) Chỉ đạo UBND các xã hằng năm kịp thời tổ chức Hội nghị sơ kết công tác giảm nghèo gắn với tổ chức biểu dương, khen thưởng hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo Nghị quyết số 01 nhằm tạo tinh thần phấn khởi, tự hào cho các hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo. Thực hiện và chỉ đạo UBND các xã tặng giấy khen có kèm theo tiền thưởng theo Luật thi đua khen thưởng đối với các hộ đã được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 01 nhưng chưa được tặng giấy khen theo quy định.

Ban Dân tộc HĐND tỉnh kính báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- BTV Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện: Tây Trà, Trà Bồng, Minh Long, Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Bình Sơn, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa;
- UBND 20 xã thuộc đối tượng giám sát;
- VP HĐND tỉnh: C-PVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, TH

**TM. BAN DÂN TỘC
TRƯỞNG BAN**

Hồ Ngọc Thịnh

Phụ lục 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/2017/NQ-HĐND NGÀY 30/3/2017 CỦA HĐND TỈNH
GIẢI ĐOẠN 2016 - 2017

(Kèm theo Báo cáo số /BC-HĐND ngày tháng 5 năm 2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh)

TT	Năm/Huyện	Hỗ trợ hộ gia đình thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo trong 2 năm liên tục (2016 -2017)					Hỗ trợ 1 lần bằng tiền mặt đối với hộ gia đình thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục		Khen thưởng 1 lần đối với thôn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn		Khen thưởng 1 lần đối với xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn		Khen thưởng 1 lần đối với Huyện thoát nghèo (triệu đồng)	Tổng kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng kinh phí (triệu đồng)	Trong đó				Số hộ	Kinh phí (triệu đồng)	Số thôn	Kinh phí (triệu đồng)	Số xã	Kinh phí (triệu đồng)			
			Hỗ trợ 1 lần bằng tiền mặt		Hỗ trợ chi phí học tập										
			Số hộ	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượt học sinh	Kinh phí (triệu đồng)									
(1)	(2)	(3=5+7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15=3+9+11+13+14)	(16)
	(2016-2017)														
1	Ba Tơ	1.389,4	133	1.330,0	132	59,4	206	1.030,0	-	-	-	-	-	2.419,4	
2	Mình Long	2.125,0	202	2.020,0	210	105,0	91	455,0	-	-	-	-	-	2.580,0	
3	Sơn Hà	9.322,9	862	8.620,0	1.562	702,9	798	3.990,0	-	-	-	-	10.000,0	23.312,9	
4	Sơn Tây	1.833,5	164	1.640,0	430	193,5	67	335,0	-	-	-	-	-	2.168,5	
5	Trà Bồng	339,3	31	310,0	65	29,3	141	705,0	-	-	-	-	-	1.044,3	
6	Tây Trà	423,2	38	380,0	96	43,2	45	225,0	-	-	-	-	-	648,2	
7	Sơn Tịnh	482,5	46	460,0	50	22,5	97	485,0	-	-	-	-	-	967,5	
8	Bình Sơn	63,6	6	60,0	8	3,6	28	140,0	-	-	-	-	-	203,6	
9	Đức Phổ	158,1	15	150,0	18	8,1	8	40,0	-	-	-	-	-	198,1	
10	Nghĩa Hành	226,2	21	210,0	36	16,2	525	2.625,0	-	-	-	-	-	2.851,2	
11	Mộ Đức	22,7	2	20,0	6	2,7	39	195,0	-	-	-	-	-	217,7	
12	Tư Nghĩa	161,7	15	150,0	26	11,7	76	380,0	-	-	-	-	-	541,7	
TỔNG CỘNG		16.548,1	1.535,0	15.350,0	2.639,0	1.198,1	2.121,0	10.605,0	-	-	-	-	10.000,0	37.153,1	

Phụ lục 2
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/2017/NQ-HĐND NGÀY 30/3/2017 CỦA HĐND TỈNH
GIẢI ĐOẠN 2017 - 2018

(Kèm theo Báo cáo số /BC-HĐND ngày tháng 5 năm 2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh)

STT	Huyện	Tổng nhu cầu kinh phí (Triệu đồng)	Trong đó										Hỗ trợ chi phí học tập cho con thuộc hộ gia đình thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục 2016-2017 đã thụ hưởng chính sách năm 2018								Ghi chú
			Hỗ trợ hộ gia đình thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục 2017-2018								Hỗ trợ 01 lần bằng tiền mặt đối với hộ gia đình thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục										
			Tổng số (Triệu đồng)	Trong đó							Số hộ	Kinh phí (Triệu đồng)	Tổng số lượt học sinh	Tổng Kinh phí (Triệu đồng)	Hỗ trợ từ tháng 01 đến tháng 05/2019		Hỗ trợ từ tháng 9 đến tháng 12/2019				
				Hỗ trợ 01 lần bằng tiền mặt		Hỗ trợ chi phí học tập									Hỗ trợ từ tháng 01 đến tháng 05/2019		Hỗ trợ từ tháng 9 đến tháng 12/2019				
						Tổng số		Trong đó													
						Số hộ	Kinh phí (Triệu đồng)	Số lượt học sinh	Kinh phí (Triệu đồng)	Hỗ trợ từ tháng 01 đến tháng 05/2019									Hỗ trợ từ tháng 9 đến tháng 12/2019		
Số học sinh	Kinh phí (Triệu đồng)	Số học sinh	Kinh phí (Triệu đồng)	Số học sinh	Kinh phí (Triệu đồng)					Số học sinh	Kinh phí (Triệu đồng)										
(1)	(2)	(3=4+14+16)	(4=6+8)	(5)	(6)	(7=9+11)	(8=10+12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15=17+19)	(16=18+20)	17	18	19	20	(21)	
1	Ba Tơ	5.862,90	3.188,50	295	2.950,00	530	238,50	265	132,50	265	106,00	523	2.615,00	132	59,40	66	33,00	66	26,40		
2	Minh Long	4.990,10	4.115,70	378	3.780,00	746	335,70	373	186,50	373	149,20	145	725,00	332	149,40	166	83,00	166	66,40		
3	Sơn Hà	9.935,70	6.514,80	609	6.090,00	944	424,80	472	236,00	472	188,80	594	2.970,00	1.002	450,90	501	250,50	501	200,40		
4	Sơn Tây	3.382,10	2.592,70	232	2.320,00	606	272,70	303	151,50	303	121,20	119	595,00	432	194,40	216	108,00	216	86,40		
5	Tây Trà	1.492,30	1.065,00	93	930,00	300	135,00	150	75,00	150	60,00	77	385,00	94	42,30	47	23,50	47	18,80		
6	Trà Bồng	1.589,70	468,60	42	420,00	108	48,60	54	27,00	54	21,60	219	1.095,00	58	26,10	29	14,50	29	11,60		
7	Bình Sơn	178,60	20,00	2	20,00	-	-	-	-	-	-	31	155,00	8	3,60	4	2,00	4	1,60		
8	Sơn Tịnh	1.116,00	269,00	26	260,00	20	9,00	10	5,00	10	4,00	164	820,00	60	27,00	30	15,00	30	12,00		
9	Tư Nghĩa	753,00	156,30	15	150,00	14	6,30	7	3,50	7	2,80	117	585,00	26	11,70	13	6,50	13	5,20		
10	Nghĩa Hành	2.425,90	1.200,60	117	1.170,00	68	30,60	34	17,00	34	13,60	242	1.210,00	34	15,30	17	8,50	17	6,80		
11	Mộ Đức	461,30	143,60	14	140,00	8	3,60	4	2,00	4	1,60	63	315,00	6	2,70	3	1,50	3	1,20		
12	Đức Phổ	83,50	60,00	6	60,00	-	-	-	-	-	-	2	10,00	30	13,50	15	7,50	15	6,00		
Tổng cộng		32.271,10	19.794,80	1.829	18.290,00	3.344	1.504,80	1.672	836,00	1.672	668,80	2.296	11.480,00	2.214	996,30	1.107	553,50	1.107	442,80		

Phụ lục 3
TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỖ TRỢ, BIỂU DƯƠNG, KHEN THƯỞNG
ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO 2016 - 2017 CHƯA THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-HĐND ngày tháng 5 năm 2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh)

STT	Huyện	Tổng nhu cầu kinh phí (Triệu đồng)	Trong đó										Ghi chú	
			Hỗ trợ hộ gia đình thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục (2016-2017)								Hỗ trợ 01 lần bằng tiền mặt đối với hộ gia đình thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục			
			Tổng số (Triệu đồng)	Trong đó							Số hộ	Kinh phí (Triệu đồng)		
				Hỗ trợ 01 lần bằng tiền mặt	Hỗ trợ chi phí học tập									
					Tổng số		Trong đó							
					Số hộ	Kinh phí (Triệu đồng)	Số lượt học sinh	Kinh phí (Triệu đồng)	Hỗ trợ từ tháng 01- 5/2018, 01-5/2019					Hỗ trợ từ tháng 9- 12/2018, 9-12/2019
Số học sinh	Kinh phí (Triệu đồng)	Số học sinh	Kinh phí (Triệu đồng)											
(1)	(2)	(3=4+14)	(4=6+8)	(5)	(6)	(7=9+11)	(8=10+12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Ba Tơ	959,80	759,80	56	560,00	222	199,80	111	111,00	111	88,80	40	200,00	
2	Nghĩa Hành	143,40	143,40	12	120,00	26	23,40	13	13,00	13	10,40	-	-	
3	Tây Trà	30,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6	30,00	
Tổng cộng		1.133,20	903,20	68	680,00	248	223,20	124	124,00	124	99,20	46	230,00	

Số: /BC-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2019

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2020 - 2021

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh về Chương trình giám sát năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XII, Ban Dân tộc HĐND tỉnh đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-HĐND ngày 16/01/2019 về việc thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2020 – 2021 (dưới đây viết tắt là Nghị quyết số 27).

Đoàn giám sát xây dựng kế hoạch giám sát, đề cương báo cáo phục vụ giám sát, lịch giám sát gửi đến các đối tượng giám sát¹ yêu cầu báo cáo và chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nội dung giám sát. Sau khi nghiên cứu tài liệu và các báo cáo phục vụ giám sát, Đoàn giám sát tổ chức làm việc với 27 cơ quan, đơn vị (Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND 6 huyện miền núi và UBND 20 xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh), xây dựng dự thảo báo cáo và tổ chức họp lấy ý kiến để hoàn chỉnh báo cáo kết quả giám sát. Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Nghị quyết số 27

1. Đối với UBND tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan

- Sau khi Nghị quyết số 27 có hiệu lực thi hành, ngày 03/10/2017², UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 68/2017/QĐ-UBND Quy định chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2020 – 2021 (dưới đây viết tắt là Quyết định số 68).

¹ Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện miền núi và huyện có xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; UBND một số xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

² Sau gần 3 tháng kể từ ngày Nghị quyết số 27 được thông qua.

- Đến ngày 06/02/2018³, Sở Giáo dục và Đào tạo mới có Công văn số 217/SGDDĐT-CNTX đề nghị UBND các huyện báo cáo danh sách sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện được hỗ trợ kinh phí học tập.

- Ngày 05/10/2018, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 1520/SGDDĐT-CNTX đề nghị UBND các huyện báo cáo tình hình thực hiện và danh sách sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện được hỗ trợ kinh phí học tập theo Quyết định số 68 tính đến tháng 9/2018. Trong đó, xác định “Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành kiểm tra thực tế tại các huyện trong thời gian từ ngày 15/10/2018 đến ngày 31/10/2018⁴”.

- Để chuẩn bị nội dung phục vụ Đoàn giám sát của Ban Dân tộc HĐND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 116/SGDDĐT-CNTX ngày 18/01/2019 đề nghị UBND các huyện báo cáo tình hình thực hiện và danh sách sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ kinh phí học năm học 2017 – 2018 và năm học 2018 – 2019.

2. Đối với UBND các huyện

Trên cơ sở Nghị quyết số 27 và Quyết định số 68, UBND một số huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn của huyện triển khai thực hiện chính sách như:

- UBND huyện Tây Trà có Công văn số 2547/UBND-VX ngày 29/12/2017 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 68.

- UBND huyện Sơn Hà có Công văn số 1031/UBND-VP ngày 03/8/2017 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 27. Ngoài ra, còn ban hành Công văn số 189/UBND-VP ngày 06/02/2018, Công văn số 244/UBND-VP ngày 22/02/2018, Công văn số 260/UBND-VP ngày 01/3/2018, Công văn số 1496/UBND-VP ngày 03/11/2017 về việc rà soát, tổng hợp danh sách đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách theo Nghị quyết số 27 và Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 03/8/2018 đề nghị bổ sung kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách trong năm học 2017 – 2018 theo Quyết định số 68.

- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Ba Tơ ban hành Công văn số 296/TCKH ngày 10/10/2018 về việc lập danh sách đối tượng hưởng chế độ chính sách theo Quyết định số 68/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh.

- Ngày 22/01/2019, UBND huyện Tư Nghĩa tổ chức Hội nghị phổ biến nội dung chính sách theo Nghị quyết số 27 đến các phòng, ban chuyên môn của

³ Sau gần 4 tháng kể từ ngày Quyết định số 68 được ban hành, mới có văn bản yêu cầu báo cáo danh sách chứ chưa có văn bản hướng dẫn UBND các huyện thực hiện rà soát, phê duyệt danh sách và lập dự toán thực hiện chính sách theo quy định.

⁴ Tuy nhiên, tại thời điểm giám sát, Sở Giáo dục và Đào tạo vẫn chưa kiểm tra thực tế tại các huyện.

huyện và UBND các xã thuộc vùng DTTS và miền núi. Theo đó, đã yêu cầu các xã khẩn trương lập danh sách gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp theo quy định.

II. Kết quả thực hiện

1. Hỗ trợ sinh viên đang học đại học hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học công lập là người dân tộc thiểu số, có hộ khẩu thường trú tại xã, thị trấn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi

1.1. Đối với năm học 2017 – 2018

Theo báo cáo của UBND các huyện, số sinh viên đủ điều kiện thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết số 27 tại 05 huyện miền núi là 155 sinh viên, trong đó: Trà Bồng 17 sinh viên, Minh Long 45 sinh viên⁵, Ba Tơ 49 sinh viên⁶, Sơn Tây 20 sinh viên⁷, Sơn Hà 24 sinh viên. Đối với huyện Tây Trà, tại thời điểm giám sát, chưa rà soát, tổng hợp được danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách. Đối với các huyện đồng bằng có xã thuộc vùng DTTS và miền núi báo cáo không có đối tượng hưởng chính sách.

1.2. Đối với năm học 2018 - 2019

Tại thời điểm giám sát, các huyện đang tiếp tục thực hiện rà soát, tổng hợp danh sách đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách (*chưa lập được danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách và chưa lập dự toán kinh phí hỗ trợ*). Đối với 20 xã giám sát, chỉ có 03/20 xã báo cáo có 23 sinh viên thuộc đối tượng hưởng chính sách (*Thị trấn Trà Xuân 03 đối tượng, xã Sơn Thủy 17 đối tượng⁸, xã Sơn Trung 03 đối tượng*), 10/20 xã báo cáo không có đối tượng và 7/20 xã chưa rà soát, lập danh sách các đối tượng hưởng chính sách theo Nghị quyết số 27.

2. Hỗ trợ học viên cao học (kể cả bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II thuộc lĩnh vực y tế) và nghiên cứu sinh đang học tại các cơ sở giáo dục sau đại học là người dân tộc thiểu số, có hộ khẩu thường trú tại xã, thị trấn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi

Theo báo cáo của UBND 06 huyện miền núi và UBND 20 xã thuộc vùng DTTS và miền núi của tỉnh đã giám sát, từ năm học 2017 – 2018 đến nay không có học viên cao học và nghiên cứu sinh thuộc đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 27.

III. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

⁵ Huyện Minh Long không cung cấp danh sách sinh viên cho Đoàn giám sát.

⁶ Danh sách đối tượng hưởng chính sách của huyện Ba Tơ không ghi rõ ngành học, sinh viên năm mấy, đề nghị mức hỗ trợ bằng nhau là 4 triệu đồng/sinh viên.

⁷ Huyện Sơn Tây lập danh sách 21 sinh viên hưởng chính sách, trong đó có 01 sinh viên không đủ điều kiện do học ngành sư phạm (thuộc đối tượng được miễn học phí theo Nghị định số 86 của Chính phủ).

⁸ Xã Sơn Thủy lập danh sách 20 sinh viên hưởng chính sách, trong đó có 03 sinh viên không đủ điều kiện do học ngành sư phạm.

1. Tồn tại, hạn chế

a) UBND tỉnh ban hành Quyết định số 68 đã quy định lại các quy phạm pháp luật đã được quy định trong Nghị quyết số 27 là không cần thiết và trái với quy định tại Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, đồng thời gây chậm trễ trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 27. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, thiếu kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện và chưa kịp thời bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo chưa thực hiện việc hướng dẫn các huyện triển khai thực hiện chính sách; chưa có sự phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với Ban Dân tộc tỉnh, Sở Tài chính và các địa phương có liên quan trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, không kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh trong quá trình thực hiện Nghị quyết và bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết.

c) Nhiều huyện và xã chưa kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 27, trong đó nhiều huyện không có văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện; thiếu quan tâm tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết đến cán bộ và nhân dân *(nhiều cán bộ xã, thôn chưa nắm được nội dung Nghị quyết số 27; một số đối tượng, hộ gia đình có đối tượng được hưởng chính sách chưa biết được nội dung của chính sách, điều kiện hưởng chính sách nên không làm hoặc chậm trễ trong việc làm hồ sơ, thủ tục nộp cho UBND xã để hưởng chính sách)*.

d) Việc báo cáo danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết 27 trong năm học 2017 – 2018 theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo, các huyện chưa thực hiện kịp thời, báo cáo không đảm bảo về nội dung và số liệu tại các thời điểm báo cáo không thống nhất, gây khó khăn cho cơ quan tổng hợp, cụ thể:

- Tại thời điểm tháng 05/2018, số lượng sinh viên đủ điều kiện hưởng chính sách là 145 sinh viên/05 huyện, cụ thể: Tây Trà 10 sinh viên, Trà Bồng 44 sinh viên, Sơn Hà 35 sinh viên, Sơn Tây 11 sinh viên, Minh Long 45 sinh viên *(huyện Ba Tơ không báo cáo; các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ báo cáo không có đối tượng hưởng chính sách)*.

- Tại thời điểm tháng 10/2018, số lượng sinh viên đủ điều kiện hưởng chính sách là 82 sinh viên/03 huyện, cụ thể: Sơn Hà 24 sinh viên, Sơn Tây 13 sinh viên, Minh Long 45 sinh viên *(các huyện: Tây Trà, Trà Bồng, Ba Tơ không báo cáo; các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ báo cáo không có đối tượng hưởng chính sách)*.

- Tại thời điểm tháng 03/2019, số lượng sinh viên đủ điều kiện hưởng chính sách là 32 sinh viên/02 huyện, cụ thể: Trà Bồng 17 sinh viên, Sơn Tây 15 sinh viên *(các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức báo cáo không có đối tượng; các huyện: Tây Trà, Sơn Hà, Minh Long, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Đức Phổ không báo cáo; huyện Ba Tơ chưa rà soát được đối tượng hưởng chính sách)*.

Qua thực tế giám sát tại 20 xã thì có 09/20 xã có đối tượng hưởng chính sách, trong đó có 04/9 xã lập danh sách sinh viên sai đối tượng hoặc bỏ sót đối tượng hưởng chính sách, như:

- Xã Trà Quân lập danh sách 12 sinh viên hưởng chính sách, trong đó 11 sinh viên không thuộc đối tượng hưởng chính sách (*06 sinh viên học cao đẳng; 01 sinh viên học đại học sư phạm và thuộc hộ tái cận nghèo; 01 sinh viên đại học sư phạm và 03 sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo*).

- Xã Trà Lân có 01 sinh viên thuộc đối tượng hưởng chính sách nhưng xã chưa hướng dẫn làm hồ sơ, thủ tục theo quy định.

- Thị trấn Trà Xuân lập danh sách 10 sinh viên hưởng chính sách, trong đó 08 sinh viên không thuộc đối tượng hưởng chính sách, trong đó: 02 sinh viên trường ngoài công lập, 04 sinh viên có hộ khẩu thường trú tại xã Trà Sơn, 01 sinh viên học cao đẳng cảnh sát nhân dân (*lúc làm hồ sơ nhập học là trường Đại học Văn hóa*) và 01 sinh viên Đại học liên thông trường ngoài công lập.

- Xã Nghĩa Sơn lập danh sách 05 sinh viên hưởng chính sách, trong đó có 01 sinh viên không thuộc đối tượng hưởng chính sách (*học trường đại học ngoài công lập*).

d) Tại thời điểm giám sát (tháng 4/2019), các đối tượng được hưởng chính sách trong năm học 2017 – 2018 theo Nghị quyết số 27 vẫn chưa được nhận kinh phí hỗ trợ; đối với năm học 2018 – 2019, UBND các huyện chưa lập danh sách sinh viên và dự toán kinh phí theo quy định.

e) Một số huyện lập dự toán kinh phí hỗ trợ cho năm học 2017 – 2018, nhưng chưa nắm được mức hỗ trợ đối với sinh viên đại học là 30% học phí phải nộp theo mức quy định của cơ sở giáo dục đại học công lập như: Huyện Sơn Hà tính mức hỗ trợ cho sinh viên đại học bằng 30% số tiền theo hóa đơn thực tế đóng học phí của sinh viên và huyện Ba Tơ đề nghị mức hỗ trợ chung là 4 triệu đồng/sinh viên là chưa đúng theo quy định.

2. Nguyên nhân

a) Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành chức năng chưa thực hiện kịp thời, đầy đủ, các nhiệm vụ được giao tại Điều 6 Quyết định số 68, không kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết ở các địa phương.

b) UBND nhiều huyện chưa kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 27, thiếu quan tâm chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc các phòng chuyên môn và UBND xã khắc phục sự chậm trễ, sai sót trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

c) Năng lực của một số cán bộ, công chức ở một số địa phương còn hạn chế, thiếu nghiên cứu các văn bản liên quan nên chưa hiểu và nắm rõ về chính sách, còn lúng túng trong việc xác định đối tượng hưởng chính sách theo Nghị

quyết số 27 do chưa xác định được trường công lập và trường ngoài công lập, không nắm rõ sinh viên nào đã được miễn học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, dẫn đến việc tuyên truyền, hướng dẫn và lập hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách cho đối tượng chưa đảm bảo theo quy định.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với UBND tỉnh

a) Chỉ đạo chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc thực hiện Nghị quyết số 27 và có biện pháp khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế như đánh giá tại Mục II và Mục III Báo cáo này để sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi được hưởng chính sách hỗ trợ đúng, đầy đủ theo Nghị quyết số 27.

b) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh và UBND các huyện thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ được giao tại Điều 6 Quyết định số 68/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh. Trong đó:

- Sở Giáo dục và Đào tạo có văn bản hướng dẫn UBND các huyện tổ chức thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 27 và tăng cường sự phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, Sở Tài chính và địa phương liên quan trong việc kiểm tra, đánh giá, kết quả thực hiện, kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 27 trong thời gian đến.

- Sở Tài chính hướng dẫn UBND các huyện thực hiện việc lập dự toán kinh phí, kịp thời thẩm định và trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí để UBND các huyện thực hiện chi hỗ trợ cho các đối tượng theo Nghị quyết số 27 trong năm học 2017 – 2018 và năm học 2018 – 2019.

- UBND các huyện thực hiện đúng trách nhiệm trong việc chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc tổ chức thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 27 trên địa bàn.

c) Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 27 cho HĐND tỉnh tại kỳ họp thường kỳ cuối năm 2017.

2. Đối với UBND huyện

a) Tiếp tục chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung, ý nghĩa của Nghị quyết số 27, nhất là cán bộ xã, thôn để tham gia thực hiện, các hộ gia đình và các đối tượng hưởng lợi để kịp thời lập hồ sơ thủ tục theo quy định để được hưởng chính sách; đồng thời tuyên truyền Nghị quyết đến đối tượng học sinh trung học phổ thông nhằm khuyến khích, động viên, tạo động lực cho các em học sinh phấn đấu trong học tập để thi đỗ vào các trường đại học công lập.

b) Chỉ đạo UBND các xã thường xuyên thông tin, liên lạc với các đối tượng hưởng chính sách để theo dõi, động viên và thực hiện chính sách theo quy

định.

c) Chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp chặt chẽ với UBND các xã tổ chức rà soát, tổng hợp danh sách các đối tượng đủ điều kiện được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 27 trong năm học 2017 – 2018 nhưng còn sót, để phê duyệt bổ sung danh sách và gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND tỉnh bổ sung kinh phí hỗ trợ năm học 2017 – 2018 để thực hiện.

d) Khẩn trương phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng chính sách trong năm học 2018 – 2019 và lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm tra, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện theo quy định.

đ) Thường xuyên kiểm tra, kịp thời sơ kết đánh giá việc thực hiện, có biện pháp chỉ đạo tích cực để Nghị quyết số 27 phát huy được hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2020 – 2021, Ban Dân tộc HĐND tỉnh kính báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- BTV Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện: Tây Trà, Trà Bồng, Minh Long, Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Bình Sơn, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa;
- UBND 20 xã thuộc đối tượng giám sát;
- VP HĐND tỉnh: C-PVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, TH

**TM. BAN DÂN TỘC
TRƯỞNG BAN**

Hồ Ngọc Thịnh